

DƯỢC ĐIỂN VIỆT NAM VI

NHŨ HƯƠNG (Gôm nhựa)

2 ml *toluen* (TT), gạn lấy phần dịch chiết *toluen* làm dung dịch thử.

Dung dịch đối chiếu: Lấy 5 g Nhân trần tía (mẫu chuẩn) tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên, sau khi triển khai sắc ký lấy bản mỏng ra, để khô ngoài không khí, phun *dung dịch vanilin trong ethanol 96 %* (TT) (chỉ pha trước khi dùng), sấy bản mỏng ở 105 °C trong 5 min. Quan sát dưới ánh sáng thường. Sắc ký đồ dung dịch thử phải có các vết màu từ xanh đến xanh tím, tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 13,0 % (Phụ lục 12.13). Dùng 10 g dược liệu đã cắt nhỏ để thử.

Tạp chất

Không quá 1,0 % (Phụ lục 12.11).

Tỷ lệ vụn nát

Qua rây có kích thước mắt rây 4 mm: Không quá 5 % (Phụ lục 12.12).

Định lượng tinh dầu

Tiến hành theo phương pháp định lượng tinh dầu trong dược liệu (Phụ lục 12.7). Dùng 40 g dược liệu đã cắt nhỏ, thêm 200 ml *nước*, cất trong 3 h.

Hàm lượng tinh dầu không ít hơn 0,25 %, tính theo dược liệu khô kiệt.

Bảo quản

Để nơi khô ráo, thoáng mát.

Tính vị, quy kinh; Công năng, chủ trị; Liều lượng, cách dùng

Xem chuyên luận Nhân trần.

NHŨ HƯƠNG (Gôm nhựa)

Gummi resina Olibanum

Chất gôm nhựa lấy từ các cây Nhũ hương (*Boswellia carterii* Birdw.), họ Trám (Burseraceae). Vào mùa xuân hoặc mùa hạ có thể thu gom Nhũ hương nhưng tốt nhất là mùa xuân. Thu hoạch Nhũ hương bằng cách: Chọc lỗ trên thân cây để nhựa chảy ra, hứng lấy nhựa, lúc nhựa khô lấy về. Nếu nhựa khô rơi xuống đất thường dính tạp chất, chất lượng kém.

Mô tả

Nhựa cây khô có dạng hạt hình cầu nhỏ, dạng giọt nước hoặc khối nhỏ không đều dài 0,5 mm đến 3 mm, có khi dính thành cục, màu vàng nhạt và thường có pha màu lục nhạt, màu lam hoặc màu đỏ nâu, trong mờ, mặt ngoài có một tầng bụi phấn màu trắng, sau khi bỏ lớp bụi phấn mặt ngoài vẫn không sáng bóng. Chất cứng giòn, mặt gãy dạng sập không sáng bóng, cũng có một số nhỏ mặt gãy sáng

bóng dạng pha lê. Mùi thơm nhẹ, vị hơi đắng. Nhai được liệu lúc đầu vỡ vụn, sau đó nhanh chóng mềm thành khối keo, nước bọt thành dạng sữa và có cảm giác cay thơm nhẹ. Ghi chú: Nhựa Nhũ hương bên ngoài có màu trắng, mờ, bên trong sáng bóng, cắn vào dính răng, mùi thơm, đốt lên có khói và mùi thơm đặc biệt, tàn tro màu đen là loại tốt.

Định tính

Khi gặp nhiệt dược liệu mềm ra, đốt trực tiếp trên ngọn lửa có mùi thơm nhẹ (nhưng không được có mùi tùng hương), bốc khói đen và để lại tro màu đen. Hòa trong nước, nhũ hương cho một dịch lỏng đục như sữa, nhũ hương tan trong một phần ethanol, ether, cloroform. Phân biệt Nhũ hương thật với chất giả mạo, lẫn tinh dầu thông, côlôphan: Hòa nhũ hương vào *acid acetic* (TT), thêm vài giọt *acid sulfuric* (TT), không được có màu đỏ.

Tro toàn phần

Không quá 3,0 % (Phụ lục 9.8).

Chế biến

Nhũ hương sao: Nhũ hương sau khi thu hoạch được loại bỏ tạp chất, sao với Đẳng tâm thảo (cứ 40 g Nhũ hương dùng 10 g Đẳng tâm thảo). Sao nhỏ lửa đến khi Đẳng tâm thảo tan hết và Nhũ hương có mùi thơm nhẹ bay lên, lấy ra để nguội rồi tán thành bột. Hoặc tán bột cùng với Đẳng tâm thảo để Nhũ hương không hút ẩm vón thành cục.

Nhũ hương chế giấm (Thổ Nhũ hương): Lấy Nhũ hương sạch cho vào chảo sao nhỏ lửa cho mặt ngoài chảy ra, phun giấm và tiếp tục sao đến khi mặt ngoài sáng trong, lấy ra để nguội. Dùng 0,6 L giấm cho 10 kg Nhũ hương. Sao với giấm để điều trị chứng huyết uất trong gan, do thầy thuốc chỉ định cho từng trường hợp riêng.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để trong đồ đựng kín, nơi khô ráo, tránh mất mùi thơm.

Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, nơi khô ráo, tránh ẩm, tránh đổi màu, nên dùng trong 90 ngày sau khi chế biến.

Tính vị, quy kinh

Vị đắng, cay, tính ôn. Vào các kinh can, tâm, tỳ (có tài liệu chỉ ghi vào kinh tâm và can).

Công năng, chủ trị

Hoạt huyết, điều khí, thông kinh, chỉ thống, tiêu thũng, sinh cơ. Chủ trị: Đau tức vùng ngực, đau vùng thượng vị, phong thấp tê đau; bế kinh, hành kinh đau bụng; chấn thương tụ máu, đình độc đau, vết thương không liền da.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 4 g đến 6 g, trường hợp đặc biệt có thể dùng 8 g do thầy thuốc chỉ định, dạng thuốc sắc. Tán bột làm viên hoàn theo yêu cầu của bài thuốc.

Kiêng kỵ

Không có ứ trệ, mụn nhọt đã vỡ mủ không nên dùng.